

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8313 /UBND-TH
V/v điều chỉnh thông báo nguồn vốn
sang chi trả bồi thường, GPMB các
dự án, công trình từ nguồn thu tiền
sử dụng đất năm 2024

Bình Định, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Căn cứ Văn bản số 1767/UBND-TH ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí ưu tiên thanh toán cho các dự án, công trình từ nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn vốn xổ số kiến thiết năm 2024; xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3528/STC-QLNS ngày 09/10/2024 về việc điều chỉnh thông báo nguồn vốn sang chi trả bồi thường, GPMB các dự án, công trình từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Cho phép điều chỉnh giảm thanh toán KLHT của các dự án, công trình (do điều chỉnh giảm kế hoạch vốn, hết khối lượng thanh toán và chậm giải ngân) để chuyển sang chi trả kinh phí bồi thường, GPMB và thu hồi tạm ứng với **tổng số tiền 10.192,788 triệu đồng** từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2024 (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Kế hoạch vốn năm 2024 | Đã thông báo thanh toán | Điều chỉnh vốn đã thông báo sang thanh toán GPMB đợt này | Đầu mối giao kế hoạch | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------------|-------------------------|--|-------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 7 | 9 |
| | NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT | 375.710,752 | 282.102,832 | - | | |
| I | Điều chỉnh giảm | 47.131,395 | 43.614,832 | -10.192,788 | | |
| 1 | Trụ sở làm việc công an xã An Toàn | 993,090 | 1.072,271 | -79,181 | UBND huyện An Lão | Điều chỉnh vì giảm KHV, hết khối lượng và chậm giải ngân |
| 2 | Trụ sở làm việc công an xã An Quang | 913,025 | 986,931 | -73,906 | | |
| 3 | Trụ sở làm việc công an xã An Nghĩa | 710,186 | 800,079 | -89,893 | | |
| 4 | Trụ sở làm việc công an xã An Trung | 1.522,684 | 1.597,463 | -74,779 | | |
| 5 | Trụ sở làm việc công an xã An Vinh | 2.147,938 | 2.240,649 | -92,711 | | |
| 6 | Trụ sở làm việc công an xã An Hưng | 1.958,162 | 2.003,850 | -45,688 | | |
| 7 | Trụ sở làm việc công an thị trấn An Lão | 2.005,481 | 2.083,389 | -77,908 | | |
| 8 | Trụ sở làm việc Công an xã Phước Quang | 334,576 | 680,000 | -345,424 | UBND huyện Tuy Phước | |
| 9 | Doanh trại Đại đội trình sát/BCHQS tỉnh Bình Định (Giai đoạn 2) | 2.772,000 | 2.772,000 | -709,343 | BCH QS tỉnh | |
| 10 | Dự án Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ; hạng mục: Xây dựng mới khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm và phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe | 3.402,000 | 3.449,000 | -47,000 | Sở Y tế | |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Canh Hiền, huyện Vân Canh | 823,983 | 895,000 | -71,017 | UBND huyện Vân Canh | |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Canh Thuận, huyện Vân Canh | 788,070 | 897,000 | -108,930 | | |
| 13 | Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn | 3.760,200 | 4.000,000 | -2.239,808 | UBND TP Quy Nhơn | |
| 14 | Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội | 25.000,000 | 20.000,000 | -6.000,000 | BQL KKT | |
| 15 | Đền thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực | - | 137,200 | -137,200 | Sở VH TT | |
| II | Điều chỉnh tăng | 328.579,357 | 238.488,000 | 10.192,788 | | |
| 1 | Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn-cơ sở 2 | 95,357 | - | 95,357 | Sở LĐTB và XH | Thanh toán bồi thường, GPMB, hoàn trả tạm ứng |
| 2 | Tuyến đường trục Đông-Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đoạn Km 137+580-Km 143+787 | 9.000,000 | - | 1.200,000 | Ban QLDA GT | |
| 3 | Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định | 35.000,000 | 27.000,000 | 3.199,067 | UBND TX An Nhơn | |
| 4 | Dự án phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định | 40.000,000 | 25.280,000 | 2.566,000 | Ban QLDA NN&PTNT | |
| 5 | Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn | 70.000,000 | 68.000,000 | 131,425 | | |
| 6 | Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh | 13.550,000 | 8.000,000 | 613,207 | | |
| 7 | Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025 | 80.000,000 | 67.600,000 | 72,000 | | |
| 8 | Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu | 35.000,000 | 28.850,000 | 1.500,000 | TT NS và VSMT nông thôn | |
| 9 | Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát | 12.836,000 | 1.233,000 | 206,471 | | |
| 10 | Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài | 33.098,000 | 12.525,000 | 609,261 | | |

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ GIỮ LẠI TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN DỰ ÁN RAI4E

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Danh mục tài sản | Đơn vị tính | Năm đưa vào sử dụng | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giá trị tài sản còn lại (Tính đến ngày 31/12/2023) | Thực trạng tài sản | Đơn vị hiện đang sử dụng (ghi rõ tỉnh/huyện/xã) | Chi chú/Dự kiến xử lý (giữ lại tại đơn vị/chuyển tiếp sang Dự án RAI4E) | Nguồn tài sản dự án |
|-----|--|-------------|---------------------|----------|------------|-------------|--|--------------------|---|---|---------------------|
| I | Nhà, trụ sở làm việc | | | | | | | | | | |
| II | Phương tiện vận tải | | | | | | | | | | |
| III | Máy móc trang thiết bị | | | | | | | | | | |
| A | DỰ ÁN RAI2E | | | | | 345.407.660 | 118.240.923 | | | | |
| I | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ - RAI2E | | | 5 | | 136.934.820 | 65.044.040 | | | | |
| 1 | Huyện Phù Cát | | | 2 | | 54.773.928 | 26.017.616 | | | | |
| | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ - RAI2E | Chiếc | 2019 | 1 | 27.386.964 | 27.386.964 | 13.008.808 | Tốt | TYT Cát Hiệp | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ - RAI2E | Chiếc | 2019 | 1 | 27.386.964 | 27.386.964 | 13.008.808 | Tốt | TYT Cát Tài | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| 2 | Thị xã Hoài Nhơn | | | 2 | | 54.773.928 | 26.017.616 | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|------------|--|--------------|------|-----------|------------|--------------------|-------------------|-----|---------------------|-------------------|-------|
| | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ - RAI2E | Chiếc | 2019 | 2 | 27.386.964 | 54.773.928 | 26.017.616 | Tốt | Thị xã Hoài Nhơn | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| 3 | TP Quy Nhơn | | | 1 | | 27.386.964 | 13.008.808 | | | | |
| | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ - RAI2E | Chiếc | 2019 | 1 | 27.386.964 | 27.386.964 | 13.008.808 | Tốt | TYT Long Mỹ | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| II | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ | Chiếc | | 1 | | 30.672.840 | 17.636.883 | | | | |
| 1 | Thị xã Hoài Nhơn | | | 1 | | 30.672.840 | 17.636.883 | | | | RAI2E |
| | Kính hiển vi 02 mắt CX23LED/OLYMPUS/TQ | Chiếc | 2020 | 1 | 30.672.840 | 30.672.840 | 17.636.883 | Tốt | Thị xã Hoài Nhơn | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| III | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | | | 14 | | 177.800.000 | 35.560.000 | | | | |
| 1 | TX An Nhơn | | | 1 | | 12.700.000 | 2.540.000 | | | | |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TX An Nhơn | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| 2 | Thị xã Hoài Nhơn | | | 4 | | 50.800.000 | 10.160.000 | | | | |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 4 | 12.700.000 | 50.800.000 | 10.160.000 | Tốt | Thị xã Hoài Nhơn | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| 3 | Huyện Phù Cát | | | 5 | | 63.500.000 | 12.700.000 | | | | |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Cát Hiệp | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Máy tính để bàn FBT Elead | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Cát Lâm | Giữ lại đơn | RAI2E |

| | | | | | | | | | | | |
|----------|-------------------------------------|----|------|----------|------------|--------------------|--------------------|-----|---------------|----------------|-------|
| | TK5400BRT | | | | | | | | | vi | |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Cát Sơn | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Cát Tài | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Cát Thành | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| 4 | Huyện Phù Mỹ | | | 4 | | 50.800.000 | 10.160.000 | | | | |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Mỹ Hòa | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Mỹ Hiệp | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Mỹ Thọ | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Máy tính để bàn FBT Elead TK5400BRT | Bộ | 2020 | 1 | 12.700.000 | 12.700.000 | 2.540.000 | Tốt | TYT Mỹ Tài | Giữ lại đơn vị | RAI2E |
| | Tổng | | | | | 345.407.660 | 118.240.923 | | | | |

Ghi chú: - TTYT: Trung tâm y tế; TYT: Trạm y tế.

Sr